

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 33/2020/HC-ST

Ngày: 17- 9 - 2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
Trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Nga và bà Cù Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 41/2020/TLPT-HC ngày 05/6/2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HC ngày 09/9/2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Duy T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Minh T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện KP, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phan Xuân L – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện KP, có đơn xin xét xử vắng mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1972;

2. Chị Trần Thị V, sinh năm 1992;

3. Chị Trần Thị Lệ X, sinh năm 1997;

Đều trú tại: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị N, chị Trần Thị V và chị Trần Thị Lệ X: Ông Trần Duy T, có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Trần Duy Q, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
3. Ông Trần Duy L1, sinh năm 1932. Địa chỉ: Thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
4. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1945. Địa chỉ: xã A, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
5. Bà Trần Thị Dương L2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ, xã Ea Kênh, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk;
6. Ông Văn Tiến D1, địa chỉ: xã K, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk
(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Trần Duy T (đồng thời người đi diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị N, chị Trần Thị V, bà Trần Thị Lệ X) trình bày:*

Năm 1998, vợ chồng ông Trần Duy T, bà Đỗ Thị N khai hoang được 01 thửa đất diện tích khoảng hơn 2.800 m² trồng cây hàng năm, đến ngày 19/10/2004, gia đình ông T được UBND huyện KP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) số AA346190 đối với **thửa đất số 282**; tờ bản đồ số 03, diện tích 1.325m² đất màu. Theo GCNQSDĐ nêu trên thì diện tích được cấp không đúng với diện tích thực tế (thiếu 988,5m²) mà gia đình ông T quản lý, sử dụng từ khi khai hoang cho đến nay.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông T đã tách thửa 282 nêu trên thành 03 thửa (thửa số 282, diện tích 556,5m²; thửa 282a, diện tích 286m²; thửa đất số 282b, diện tích 482,5m² = 1.325m²). Cụ thể:

Ngày 13/5/2005, gia đình ông T chuyển nhượng cho hộ ông Văn Tiến D1 thửa số 282b, tờ bản đồ 03, diện tích 482,5m².

Năm 2006, gia đình ông T tách thửa 282 thành 02 thửa (thửa 282 diện tích 486,5m² và thửa đất 282c diện tích 70m²) rồi chuyển nhượng thửa số 282c (70m²) cho bà Đỗ Thị H. Sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, gia đình ông T được UBND huyện KP cấp Giấy chứng nhận số AE 763612 ngày 07/7/2006 đối với thửa đất số 282 (ngày 14/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện KP đính chính số thửa đất 282 thành thửa đất số 334), tờ bản đồ số 03, diện tích 486,5 m².

Sau khi tách thửa, chuyển nhượng đất cho ông Văn Tiến D1, bà Đỗ Thị H thì diện tích đất thực tế gia đình ông T đang sử dụng còn lại khoảng 1.520m². Trong khi ranh giới đất giữa gia đình ông T với các hộ liền kề không có gì thay đổi và không có khiếu kiện tranh chấp với nhau.

Năm 2019, gia đình ông T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với 120m² đất từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư, đến ngày 24/6/2019, được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai chính lý biến động với nội dung nêu trên. Sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì ông T mới phát hiện có sự chênh lệch diện tích đất thực tế ông sử dụng lâu nay với diện tích đất được cấp như đã trình bày nêu trên.

Do đó, ông T khởi kiện UBND huyện KP yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006 mang tên hộ ông Trần Duy T để UBND huyện cấp đổi lại GCNQSDĐ theo diện tích thực tế mà gia đình ông đang sử dụng ổn định từ khi khai hoang cho đến nay.

** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:*

- Đối với trình tự thủ tục trong việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T.

Ngày 29/10/2004, hộ ông Trần Duy T được UBND huyện KP cấp GCNQSDĐ số AA 346190, đối với thửa đất số 282; tờ bản đồ số 03, diện tích 1325m² đất màu, địa chỉ thửa đất: thị trấn PA.

Trong quá trình sử dụng, hộ ông Trần Duy T đã thực hiện tách thửa đất 282, tờ bản đồ số 03 trên thành 03 thửa đất (*là thửa đất số 282, diện tích 556,5m²; thửa 282a, diện tích 286m²; thửa đất số 282b, diện tích 482,5m²*).

Ngày 13/5/2005, hộ ông Trần Duy T làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ ông Văn Tiến D1 thửa đất số 282b, tờ bản đồ 03, diện tích 482m². Sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, hộ ông Trần Duy T được UBND huyện KP cấp Giấy chứng nhận số AC 977097 ngày 22/8/2005 đối với thửa đất số 282, tờ bản đồ số 03, diện tích 556,5 m² và GCNQSDĐ số AC 977096 ngày 22/8/2005 đối với thửa đất số 282a, tờ bản đồ số 03, diện tích 286,5 m².

Năm 2006, hộ ông Trần Duy T đăng ký tách thửa đất 282, tờ bản đồ 03 thành 02 thửa đất (*thửa 282, tờ bản đồ 03, diện tích 486,5m² và thửa đất 282c tờ bản đồ 03, diện tích 70m²*) và chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị H thửa đất số 282c. Sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, hộ ông Trần Duy T được UBND huyện KP cấp Giấy chứng nhận số AE 763612 ngày 07/7/2006 đối với thửa đất số 282 (*ngày 14/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện KP đính chính số thửa đất 282 thành thửa đất số 334 tại trang 4*), tờ bản đồ số 03, diện tích 486,5 m².

Xét đề nghị của ông Trần Duy T, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện KP tiến hành đo đạc, kiểm tra lại hiện trạng thửa đất. Ngày 22/10/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện KP có Trích lục bản đồ địa chính số 1483/TL-CN-KTĐC, theo đó diện tích đo đạc thực tế là 1.384m² (lệch so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận là 897.5m²)

- Quan điểm của UBND huyện KP đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 334 (thửa cũ 282) tờ bản đồ số 03, tỷ lệ 1/2000 của hộ ông Trần Duy T theo Trích lục bản đồ địa chính số 1483/TL-CNKP-KTĐC ngày 22/10/2019 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện KP lập cho thấy: Hình thể thửa đất hiện đang sử dụng so với hình thể trên GCNQSDĐ số AE 763612) có sự biến động.

Ngày 26/11/2019, UBND huyện KP đã có Văn bản số 1871/UBND-TNMT về việc đề nghị ông Trần Duy T liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện KP *(hoặc các đơn vị đo đạc được cấp phép theo quy định của pháp luật)* để đo đạc hiện trạng thửa đất số 282, tờ bản đồ số 03, tỷ lệ 1/2000 theo GCNQSDĐ số AA346190 do UBND huyện cấp lần đầu cho ông Trần Duy T (bao gồm thửa đất số 334 (thửa đất cũ 282) tờ bản đồ số 03, tỷ lệ 1/2000 và các thửa đất hộ ông Trần Duy T đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Sau khi có kết quả đo đạc, đối chiếu với hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu, Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện KP căn cứ các quy định của pháp luật thực hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Duy T theo điểm c, khoản 1, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; khoản 5, Điều 98 Luật Đất đai 2013.

UBND huyện KP đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, căn cứ vào việc sử dụng đất trên thực tế, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ liên quan để xử lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký; cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 (BL31-48) của ông T thì quá trình xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T chỉ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.325m². Sau khi tách thửa, chuyển nhượng cho bà H; ông D1, bà L2 thì diện tích đất ông T còn lại là 486,5m² nên UBND huyện KP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE763612 đối với diện tích còn lại cho hộ ông T là phù hợp. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì diện tích thực tế gia đình ông T đang sử dụng là 1.520m², nhiều hơn diện tích đất được cấp là 1.033,5m². Đối với diện tích

1.033,5m² chưa được cấp giấy chứng nhận thì ông T có quyền làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Duy T về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ông Trần Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AE763612 do Ủy ban nhân dân huyện KP cấp cho hộ ông Trần Duy T ngày 07/7/2006 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu: Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện KP cấp GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006 mang tên hộ ông Trần Duy T. Năm 2019, gia đình ông T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đối với 120m² đất từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư. Sau khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất vào khoảng tháng 09/2019 ông T mới phát hiện diện tích được cấp GCNQSDĐ với diện tích thực tế có sự chênh lệch rất lớn. Cụ thể: Diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 486,5m² trong khi diện tích thực tế sử dụng là 1.520m². Do đó, ngày 04/6/2020 ông T khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Về sự có mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và những người làm chứng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay họ đều vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157; Điều 159 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006, thì thấy:

[2.1] Về hình thức của GCNQSDĐ số AE763612:

Về thẩm quyền: GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006 do Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch thay mặt UBND huyện KP cấp GCNQSDĐ đối với diện tích

đất 486,5m² thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Trần Duy T là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

[2.2] Xét về nội dung GCNQSDĐ số AE763612:

Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 334 nêu trên thì thấy: Năm 1998, gia đình ông T khai hoang 01 lô đất khoảng hơn 2.800m². Ngày 19/10/2004, UBND huyện KP cấp GCNQSDĐ số AA346190 đối với lô đất nêu trên cho gia đình ông T thuộc thửa đất số 282; tờ bản đồ số 03, diện tích 1.325m². Quá trình sử dụng, gia đình ông T đã thực hiện tách thửa và chuyển nhượng đối với lô đất nêu trên như sau:

Ngày 13/5/2005, gia đình ông T chuyển nhượng 482m² đất thuộc thửa số 282 cho hộ ông Văn Tiến D1 (tách thành thửa 282b, tờ bản đồ 03). Phần diện tích đất còn lại (sau khi chuyển nhượng cho ông D1) của gia đình ông T được tách thành 02 thửa và được UBND huyện KP cấp GCNQSDĐ số AC977097 ngày 22/8/2005 đối với thửa đất số 282, diện tích 556,5 m² và GCNQSDĐ số AC977096 ngày 22/8/2005 đối với thửa đất số 282a, diện tích 286,5 m².

Năm 2006, gia đình ông T đăng ký tách thửa đất 282 (diện tích 556,5m²) thành 02 thửa gồm: Thửa 282, diện tích 486,5m² và thửa đất 282c, diện tích 70m². Rồi chuyển nhượng thửa đất số 282c cho bà Đỗ Thị H. Sau khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, gia đình ông T được UBND huyện KP cấp lại Giấy chứng nhận số **AE 763612** ngày 07/7/2006 đối với thửa đất số 282 (ngày 14/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện KP đính chính số thửa đất 282 thành thửa đất số 334 tại trang 4), tờ bản đồ số 03, diện tích **486,5 m²**. Sau đó, ông T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 334, đến ngày 24/6/2019 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện KP chỉnh lý biến động chuyển mục đích sử dụng với diện tích 120m² từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở đô thị.

Căn cứ vào lời khai của các hộ ông Trần Duy L1, ông Trần Duy Q và ông Trần Văn D là các hộ sử dụng đất liền kề với thửa đất số 282 được cấp GCNQSDĐ số AA346910 đều xác định từ khi sử dụng đất đến nay ranh giới, tứ cận đất của họ với đất nhà ông T không thay đổi, không có tranh chấp với nhau và phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA346910.

Mặt khác, căn cứ lời khai của người bị kiện UBND huyện KP mặc dù hình thể thửa đất số 282 theo GCNQSDĐ số AA346910 so với hình thể thửa đất hiện nay có sự biến động nhưng thời điểm cấp GCNQSDĐ số AA346910 đối với thửa 282 thì việc đo đạc được đo thủ công nên có sự sai số nhất định về chiều dài các cạnh, đồng thời do sai sót trong việc tính diện tích nên dẫn đến có sự chênh lệch về tổng diện tích được cấp cho hộ ông T.

Như vậy, GCNQSDĐ số AA346910 ngày 19/10/2004 cấp cho hộ ông T là cấp thiếu diện tích. Tuy nhiên, hiện nay ông T đã tách thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhiều hộ khác, sau khi nhận chuyển nhượng thì các hộ này cũng đã được cấp GCNQSDĐ mới. Đồng thời, những người nhận chuyển nhượng đất từ ông T cũng không tranh chấp gì. Và sau khi chuyển nhượng cho các hộ ông T cũng đã được cấp GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006 đối với thửa đất 334.

Mặt khác, căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xác định được: Diện tích thực tế thửa đất số 334 hiện nay (1.520m^2) so với diện tích được cấp GCNQSDĐ ($486,5\text{m}^2$) có chênh lệch là $1.033,5\text{m}^2$ nhưng tứ cận, ranh giới đang sử dụng của đất gia đình ông T với các hộ liền kề không thay đổi và không có tranh chấp.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013; điểm c khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trong trường hợp này cần cấp đổi GCNQSDĐ cho hộ ông Trần Duy T theo diện tích thực tế sử dụng và ông T không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất chênh lệch này.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số AE763612 ngày 07/7/2006 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân KP phải chịu toàn bộ xem xét thẩm định tại chỗ là 2.700.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông T số tiền 2.700.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, sau khi thu được số tiền 2.700.000 đồng của Ủy ban nhân dân KP.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân KP phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; Điều 159; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 và điểm c khoản 1 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE763612 ngày 07/7/2006 do Ủy ban nhân dân huyện KP cấp cho hộ ông Trần Duy T (đối với thửa đất số 282 (đỉnh chính thành thửa số 334 ngày 14/9/2016), tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thị trấn PA, huyện KP có diện tích 486,5m², trong đó có 120m² đất ở đô thị (được chỉnh lý biến động chuyển mục đích sử dụng ngày 24/6/2019).

Ủy ban nhân dân huyện KP, tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích thực tế sử dụng cho hộ ông Trần Duy T theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân KP phải chịu 2.700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Hoàn trả lại cho ông Trần Duy T 2.700.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng, sau khi thu được 2.700.000 đồng của Ủy ban nhân dân KP.

[4] Về án phí: Ông Trần Duy T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0010313 ngày 04/6/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Ủy ban nhân dân KP phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo đúng qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức